

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Số: 3856 /NĐCP-KHĐT-VT

V/v: Thư mời chào giá cung cấp vật tư

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Cung cấp Hóa chất 6 tháng cuối năm 2026
- Số hiệu đơn hàng: 114/ĐH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Chi tiết như bảng kê đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của NCC

- Đơn vị tham gia chào giá cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp (Có chứng thực trong vòng 06 tháng trở lại đây); Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

b. Yêu cầu về thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.

- **Tiêu chí đánh giá về giá được áp dụng theo đơn giá thấp nhất và các tiêu chí khác theo Bảng Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ báo giá cạnh tranh rút gọn đính kèm.**

- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 180 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.

- Thời gian giao hàng: Trong vòng 42 ngày (mục hàng số 28-30); 45 ngày (mục hàng số 2); 80 ngày (mục hàng số 17-23, 41); 84 ngày (mục hàng số 12, 14); 98 ngày (mục hàng số 27); 105 ngày (mục hàng số 13); 30 ngày (Các mục hàng còn lại) kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào giờ hành chính các ngày thứ 2, thứ 5 trong tuần.

Xử lý tình huống:

- Trong trường hợp Bên B có sẵn hàng hóa và Bên A có nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa theo nhu cầu bằng văn bản của bên A thông qua gửi trực tiếp/Fax/Email.

- Trong trường hợp Bên B giao hàng vào ngày cuối cùng của thời gian thực hiện hợp đồng, không phải là thứ 2 hoặc thứ 5 thì Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào ngày thứ 2/thứ 5 kế tiếp (ngày gần nhất với ngày hết hạn thực hiện hợp đồng) hoặc vào các ngày kế tiếp theo nhu cầu của Bên A và không tính là vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.

- Thời gian thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị thực hiện hợp đồng sau thuế của từng đợt giao hàng trong vòng trong vòng 60 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

c. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa có hạn sử dụng còn tối thiểu 2/3 thời gian ghi trên bao bì sản phẩm, phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa, trừ các trường hợp sau:

- Các mục hàng xuất xứ Việt Nam có đơn giá từ 10 triệu đồng trở lên hoặc có đơn giá dưới 10 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm sau thuế hơn 50 triệu đồng yêu cầu cấp CQ.

- Các mục hàng nhập khẩu có đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên hoặc có đơn giá dưới 20 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm sau thuế hơn 50 triệu đồng yêu cầu cấp CO, CQ.

Ghi chú: CO (CO thương mại): Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, trên CO, thể hiện đơn vị nhập khẩu là Doanh nghiệp/ Hộ kinh doanh...hợp pháp tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng hoặc các văn bản có giá trị tương đương của Nhà sản xuất. Yêu cầu cấp bản công chứng. (Nếu số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc). Trong trường hợp CO, CQ được viết bằng ngôn ngữ khác (không phải là tiếng Việt), Nhà cung cấp phải cấp kèm theo Bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật có thẩm quyền.

Trường hợp trên CO không thể hiện rõ tên hàng hoá cung cấp, NCC phải cấp bổ sung các chứng từ liên quan để làm rõ tên hàng hoá cung cấp: Tờ khai hải quan, invoice xoá giá đóng dấu sao y của đơn vị nhập khẩu

- Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ hàng hóa theo thư mời (Bản chào giá không đáp ứng yêu cầu này được tính là không hợp lệ).

- Nhà thầu có thể chào giá theo mã vật tư yêu cầu hoặc hàng tương đương về thông số kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu sau (được trình bày bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh):

+ Văn bản cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật;

+ Bảng so sánh thông số kỹ thuật.

+ Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;

+ Có cam kết hàng hóa do nhà thầu chào đảm bảo tính tương thích, đồng bộ và đảm bảo tính lắp lẫn vào hệ thống/thiết bị của chủ đầu tư đang sử dụng, không gây ảnh hưởng phụ tới công suất, hiệu quả, tuổi thọ thiết bị của chủ đầu tư (không gián tiếp là nguyên nhân phát sinh làm hư hỏng các bộ phận khác trong hệ thống thiết bị). Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi vật tư, thiết bị nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị

(Trường hợp cần làm rõ các tài liệu và tư liệu kỹ thuật bổ trợ, chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp bổ sung các tài liệu trên. Nếu Nhà thầu không cung cấp bổ sung được theo yêu cầu của bên mời chào giá hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm dịch thuật sang tiếng Việt/tiếng Anh thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật)

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- Hồ sơ chào giá bao gồm: Đơn chào hàng, bảng chào giá (BCG - theo biểu mẫu đính kèm), Đăng ký kinh doanh (có chứng thực trong vòng 06 tháng trở lại đây), tài liệu chứng minh hàng tương đương (nếu có).

- Ngôn ngữ trong chào giá: Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm)

- Hình thức nộp Hồ sơ chào giá: Báo giá được đóng trong phong bì kín có niêm phong của nhà cung cấp, bên ngoài phong bì ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số 3819/NĐCP-KHĐTVT** được gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau (**Bên mời chào giá chỉ tiếp nhận những hồ sơ chào giá đảm bảo nội dung này**):

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.
- Địa chỉ: Tổ 4, Khu 4A, P. Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 02033 734 900

- Cán bộ phụ trách: Phạm Thị Tuyết; Điện thoại: 0936 825 989

2. Thời gian chào giá.

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 09 giờ 00' ngày ..09./9/2026.

- Thời gian và địa điểm mở bản chào giá vào lúc vào 10 giờ 00' ngày ...09./9/2026 tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, PTT(1).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hoàng Lân

Bảng kê chi tiết đơn hàng
(Đính kèm thư mời chào giá số 3856 /NĐCP-KHĐTVT ngày 28 tháng 8 năm 2026)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	1-Amino-2-naphthol-4-sulfonic acid	C10H9NO4S	Lọ	10	
2.	Aceton	Aceton	lít	20	
3.	Ammoni Solution	Ammoni Solution NH3 (500ml/lọ)	Lọ	6	
4.	Amoni axetic	CH3COONH4 (500g/ 1 lọ)	Lọ	2	
5.	Amoniclorua	NH4Cl (500g/ 1 lọ)	Lọ	2	
6.	Amunium Molipdat	(NH4)6Mo7O24.4H2O (500g/lọ)	Lọ	10	
7.	Axid Boric	H3BO3 (500g/ 1 lọ)	Lọ	2	
8.	Axit	H2SO4 98% (500ml/lọ)	Lọ	8	
9.	Axit Clohyric HCl	Axit Clohydric, HCl 35-38% lọ 500ml	Lọ	2	
10.	Axit Tataric	C4H6O6 (500g/lọ)	Lọ	4	
11.	Cồn công nghiệp	70 độ	lít	40	
12.	Chất chuẩn độ đục	Chất chuẩn độ đục HI93703-10 (10 FTU)	Lọ	5	
13.	Chất chuẩn độ đục	HI93102-20 (20 NTU)	Lọ	5	
14.	Chất chuẩn độ đục	HI93703-0 (0 FTU)	Lọ	5	
15.	Chỉ thị ETOO	C20H12N3NaO7S (25g/1 lọ)	Lọ	2	
16.	Diisopropylamine	C6H15N (1000ml/ 1 lọ). Mã: 8036461000	Lọ	9	
17.	Dung dịch chuẩn	Q-11357-I-100 (Nồng độ 100 mg/l (lọ 500ml))	Lọ	12	
18.	Dung dịch chuẩn	Q-11357-I-200 (Nồng độ 200 mg/l (lọ 500ml))	Lọ	9	
19.	Dung dịch chuẩn	Q-11359-I-10 (Nồng độ 10 mg/l (lọ 500ml))	Lọ	9	
20.	Dung dịch chuẩn	Q-11359-I-5 (Nồng độ 5 mg/l (lọ 500ml))	Lọ	12	
21.	Dung dịch chuẩn	Q-11356-I-100 (Nồng độ 100 mg/l (lọ 500ml))	Lọ	10	
22.	Dung dịch chuẩn	Q-11356-I-50 (Nồng độ 50	Lọ	9	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		mg/l (lọ 500ml))			
23.	Dung dịch chuẩn clo dư	1.00 mg/l, mã QCI-187 (1 hộp có 24 ống)	Lọ	2	
24.	Dung dịch chuẩn PH	PH 4.01	Lọ	10	
25.	Dung dịch chuẩn PH	7.01 (500ml/1 lọ)	Lọ	5	
26.	Dung dịch chuẩn PH	PH 9.18	Lọ	12	
27.	Dung dịch Sodium Nitrate	0,5M, 500ML, 2507149	Bình	4	
28.	Độ dẫn tiêu chuẩn	5 μ S/cm (500ml/1 lọ). Mã: CON5-25-500ML	Lọ	2	
29.	Độ dẫn tiêu chuẩn	84 μ S/cm (500ml/1 lọ)	Lọ	10	
30.	Độ dẫn tiêu chuẩn,	5 μ S/cm (500ml/1 lọ). Mã: CON5-25-500ML	Lọ	12	
31.	EDTA	C10H14N2O8Na2.2H2O (2 lọ 250g/lọ)	Lọ	1	
32.	Ethanol	99% C2H5OH lọ 1000ml	Lọ	4	
33.	Fe tiêu chuẩn	Iron standard solution 119781.0500 (1g/l) (500ml/1 lọ)	Lọ	1	
34.	Giấy lọc định tính	Giấy lọc định tính phi 12,5 cm cháy rung-Hộp 100 tờ	Hộp	2	
35.	Glycerin	C3H8O3 (500ml/lọ)	Lọ	6	
36.	Kiểm khô	KOH 90% (25kg/bao)	Bao	20	
37.	Na tiêu chuẩn	1g/l (500ml/1 lọ). Mã 1702380500	Lọ	2	
38.	Natri hydroxit rắn	NaOH 99%	Kg	600	
39.	Natri sunfit	Na2SO3 (500g/lọ)	Lọ	2	
40.	Natridodecylsulfate,	CH3(CH2)11SO4Na (500g/1 lọ)	Lọ	2	
41.	NH4OH	1g/l (500ml/1 lọ) Mã: 1046220500	Lọ	1	
42.	Oxalicacid dihydrate,	(COOH)2.2H2O (500g/1 lọ)	Lọ	1	
43.	Para dimethyl aminobenzaldehyde	C9H11NO (500g/lọ)	Lọ	10	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
44.	Phốt phát tiêu chuẩn	PO_4^{3-} 1g/l (500ml/1 lọ) Mã: 1198980500	Lọ	1	
45.	Sắt II amonisunfat,	$(\text{NH}_4)_2\text{Fe}(\text{SO}_4)_2$ (500g/1 lọ)	Lọ	2	
46.	Si tiêu chuẩn	Mã: 1702360500. 1g/l (500ml/1 lọ)	Lọ	2	
47.	Sodium molybdate dihydrate,	$\text{Na}_2\text{MoO}_4.2\text{H}_2\text{O}$ (500g/1 lọ)	Lọ	2	
48.	Sôđa	Na_2CO_3 (500g/1 lọ)	Lọ	2	
49.	Thiếc II clorua	SnCl_2 (500g/lọ)	Lọ	1	
50.	Thuốc thử nhanh kiểm tra clo dư	Hama HI 93701-01(Hộp 100 gói)	Hộp	10	

Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ báo giá cạnh tranh rút gọn
(Đính kèm Thư mời chào giá số /NDCP-KHĐT VT ngày 28/8/2026)

STT	Các tiêu chí đánh giá			Ghi chú
	Nội dung	Yêu cầu	Kết luận	
1.	Tên vật tư, quy cách và tính hợp lệ của hàng hóa tương đương	- Đáp ứng đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật - Tài liệu kỹ thuật hàng tương đương theo quy định của Thư mời chào giá	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
2.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy phép đăng ký kinh doanh (đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện)	Bản sao được chứng thực (Có hiệu lực trong vòng 06 tháng trở lại đây)	Đạt	
		Bản photocopy không có chứng thực	Không đạt	
3.	Thư chào hàng và biểu giá chào hàng	- Do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký - Chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời	Đạt	
		- Không do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký - Không chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời	Không đạt	
4.	Hiệu lực của Bản chào giá	≥ 180 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
5.	Thời gian thanh toán	- Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị thực hiện hợp đồng sau thuế của từng đợt giao hàng trong vòng trong vòng 60 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A ; Hoặc theo hợp đồng được thỏa thuận và ký kết giữa hai bên - Không tạm ứng hợp đồng	Đạt	
		Tạm ứng hợp đồng hoặc không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
6.	Thời gian giao hàng (tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Trong vòng 42 ngày (mục hàng số 28-30); 45 ngày (mục hàng số 2); 80 ngày (mục hàng số 17-23, 41); 84 ngày (mục hàng số 12, 14); 98 ngày (mục hàng số 27); 105 ngày (mục	Đạt	

STT	Các tiêu chí đánh giá			Ghi chú
	Nội dung	Yêu cầu	Kết luận	
		hàng số 13); 30 ngày (Các mục hàng còn lại)		
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
7.	Địa điểm giao hàng	Tại kho vật tư bên mua	Đạt	
		Không giao hàng tại kho bên mua	Không đạt	
8.	Hạn sử dụng	Còn tối thiểu 2/3 thời gian ghi trên bao bì sản phẩm	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
9.	Chứng từ thanh toán kèm theo (Chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa)	Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa, trừ các trường hợp sau: - Các mục hàng xuất xứ Việt Nam có đơn giá từ 10 triệu đồng trở lên hoặc có đơn giá dưới 10 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm sau thuế hơn 50 triệu đồng yêu cầu cấp CQ. - Các mục hàng nhập khẩu có đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên hoặc có đơn giá dưới 20 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm sau thuế hơn 50 triệu đồng yêu cầu cấp CO, CQ.	Đạt	(*)
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	

Ghi chú:

Ghi chú: CO (CO thương mại): Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, trên CO, thể hiện đơn vị nhập khẩu là Doanh nghiệp/ Hộ kinh doanh...hợp pháp tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng hoặc các văn bản có giá trị tương đương của Nhà sản xuất. Yêu cầu cấp bản công chứng. (Nếu số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc). Trong trường hợp CO, CQ được viết bằng ngôn ngữ khác (không phải là tiếng Việt), Nhà cung cấp phải cấp kèm theo Bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật có thẩm quyền.

Trường hợp trên CO không thể hiện rõ tên hàng hoá cung cấp, NCC phải cấp bổ sung các chứng từ liên quan để làm rõ tên hàng hoá cung cấp: Tờ khai hải quan, invoice xoá giá đóng dấu sao y của đơn vị nhập khẩu

BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)

Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Kính gửi: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực – CTCP

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá (TMCG) số hiệu mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,.....(Ghi tên Nhà cung cấp), cam kết thực hiện đơn hàng (Ghi tên và số hiệu đơn hàng) theo đúng yêu cầu của TMCG với tổng số tiền là (Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền) cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng(Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của TMCG).

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các quy định trong TMCG số(Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá).
4. Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gianngày (Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu), kể từ ngày(Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)

Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)	Thời gian giao hàng
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá (ghi đầy đủ hãng và nước sản xuất)				8%	10%		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Hàng hóa thứ nhất.												
2	Hàng hóa thứ nhất.												
n	Hàng hóa thứ n												
Tổng giá trị													

1. Giao hàng:

a) Thời gian giao hàng: (Chỉ tiết theo bảng trên)

b) Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tò 4, khu 4A, P.Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:.....

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Hàng hóa được sản xuất năm (trở lại đây)

- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).

4. Bảo hành (nếu có):

5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa)